



Báo cáo cập nhật Vĩ mô

Tháng 10 năm 2019

Ngày 26/11/19

Trịnh Viết Hoàng Minh
NVPT – Phái sinh, Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 3823 4159 - Ext: 352

minhtvh@acbs.com.vn

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ THÁNG 10 NĂM 2019

Chỉ báo vĩ mô 10T19

GDP	+6,98%
Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	+2,02%
Ngành công nghiệp và xây dựng	+9,36%
Ngành Dịch vụ	+6,85%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	10,2%
Khai khoáng	-6,6%
Chế biến, chế tạo	12,3%
Sản xuất và phân phối điện	10,6%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	8,9%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	194.754
Tổng kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)	187.905
Cán cân thương mại (triệu USD)	6.849
FDI giải ngân (triệu USD)	1.410
FDI đăng ký (triệu USD)	2.409
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	+12,2%
CPI	+1,98%
CPI cơ bản	+1,96%

Bức tranh vĩ mô trong tháng 10/2019 của Việt Nam cho thấy dấu hiệu tăng trưởng chậm lại ở khu vực sản xuất khi Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng của Việt Nam (PMI) được báo cáo bởi Nikkei giảm xuống 50 và kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 46 tháng. Tuy nhiên, các yếu tố cơ bản của nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong tình trạng tốt khi lạm phát và lạm phát cơ bản được kiểm soát ở mức 2,23% n/n và 1,99% n/n, và dòng vốn FDI vào Việt Nam vẫn duy trì ổn định trong tháng 10 và tăng trưởng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) vẫn đạt hơn 9,2% n/n trong tháng 10.

Ngành sản xuất tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng IIP trong tháng 10. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 10 tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2018 với IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn dắt chỉ số IIP tăng trưởng trong tháng 10 này với tăng trưởng 10,8% n/n. IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,16% n/n; và IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 6,9% n/n. Ở chiều ngược lại, IIP ngành khai khoáng tiếp tục giảm trong tháng 10 với mức giảm 0,2% n/n. Tính chung 10 tháng đầu năm 2019, IIP tăng 9,5% n/n thấp hơn mức tăng trưởng cùng kỳ năm 2018, và được dẫn dắt bởi IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với tăng trưởng 10,8% so với cùng kỳ và đóng góp 8,3 điểm phần trăm cho tăng trưởng tổng IIP 10T2019; IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,9%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm tăng trưởng chung; IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,2%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; và IIP các ngành khai khoáng tăng 1,2%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm.

Vốn FDI duy trì tăng trưởng ổn định trong tháng 10. Trong tháng 10, vốn FDI giải ngân đạt 16,21 tỷ USD (+7,4% n/n), trong khi tổng vốn FDI đăng ký trong 10 tháng đầu năm 2019 tiếp tục tăng nhẹ 4,3% so với cùng kỳ, đạt 29,1 tỷ USD. Top 3 đối tác đầu tư vốn FDI vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm gồm Hồng Kông (6,5 tỷ USD, +293% n/n, bao gồm 3,85 tỷ USD mua cổ phần tại công ty TNHH Vietnam Beverage tại Hà Nội), Hàn Quốc (5,5 tỷ USD, -15,7% n/n), và Singapore (4,2 tỷ USD, +7,2% n/n) – Singapore đã giành lại vị trí top 3 đối tác đầu tư vốn FDI nhiều nhất vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2019 khi gần đây Trung Quốc đã lấy mất vị trí thứ 3 do dòng vốn gần đây từ Trung Quốc sang Việt Nam tăng mạnh sau khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đẩy đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam (theo số liệu thống kê 10T2019 FDI từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng 97% n/n). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn tiếp tục thu hút vốn FDI mạnh nhất với hơn 20 tỷ USD vốn đăng ký trong 10 tháng đầu năm (chiếm hơn 68% tổng vốn FDI đăng ký). Lĩnh vực hoạt động kinh doanh BĐS thu hút vốn FDI đứng thứ 2 với hơn 2,9 tỷ USD được hút vào lĩnh vực này (chiếm 10,2% tổng vốn FDI đăng ký). Và lĩnh vực bán buôn, bán lẻ hút hơn 2 tỷ USD (chiếm 7% tổng vốn FDI đăng ký).

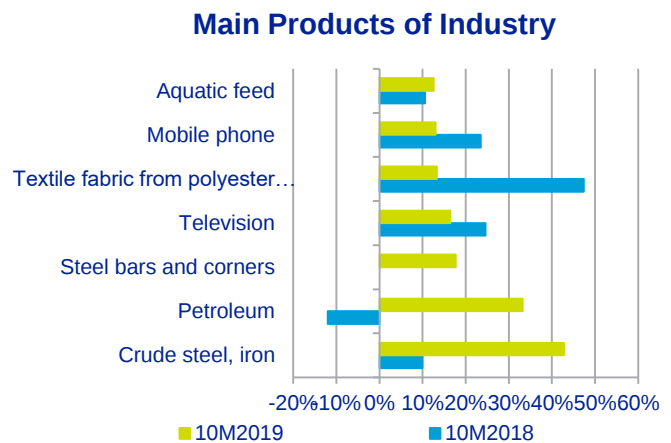
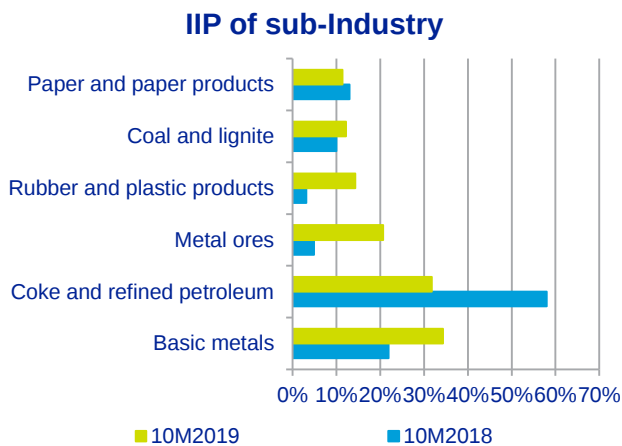
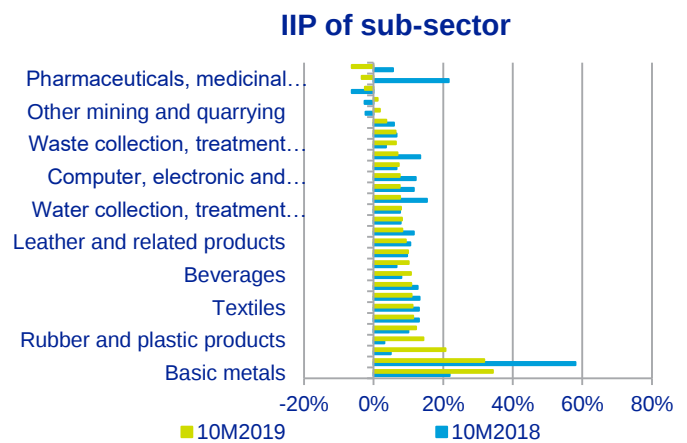
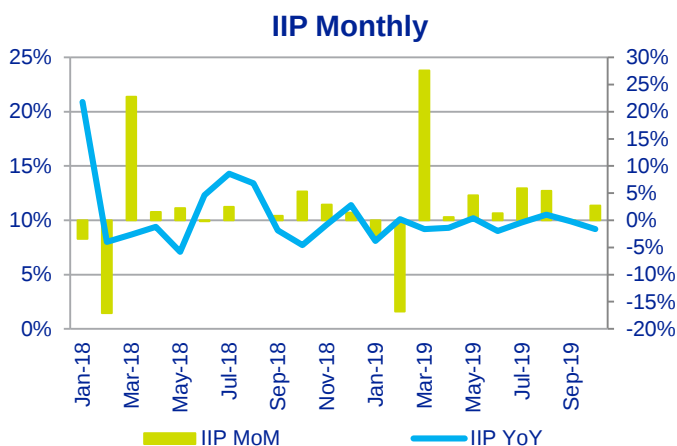
Suy giảm kinh tế toàn cầu vẫn là rủi ro cho các hoạt động thương mại của Việt Nam. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 10/2019 tăng nhẹ 3,7% ước tính đạt 24,2 tỷ USD, trong khi đó, nhập khẩu tháng 10/2019 cũng tăng nhẹ 2,9% t/t đạt 22,4 tỷ USD, làm cho cán cân thương mại trong tháng 10 đạt thặng dư 1,8 tỷ USD – cán cân thương mại từ đầu năm đến giờ vẫn được ghi nhận thặng dư (8,7 tỷ USD được ghi nhận trong tháng 10). Tính chung 10 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 219 tỷ USD (+9,3% n/n và so với mức tăng +15,3% n/n trong 10T2018), trong khi kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 210,3 tỷ USD (+8,5% n/n và so với mức tăng +12,43% n/n trong 10T2018), kết quả là cán cân thương mại 10 tháng đầu năm 2019 đạt thặng dư 8,7 tỷ USD – cao hơn mức thặng dư 6,4 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái.

Lạm phát được duy trì ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 tăng 0,58 % t/t và tăng 2,23 % n/n, tăng từ mức tăng 0,32% t/t và mức tăng 1,98% n/n trong tháng 9. Tính đến cuối tháng 10, mức tăng của CPI trong 10 tháng đầu năm đạt 2,5% so với đầu năm, thấp hơn so với mục tiêu 4% của Chính phủ. Ngoài ra, CPI cơ bản trong tháng 10 tăng 1,99% so với cùng kỳ và lạm phát cơ bản trung bình 10 tháng đầu năm ở tăng 1,92% n/n.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn dắt đà tăng trưởng IIP trong tháng 10.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 10 năm 2019 tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2018 với IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trở lại vị trí dẫn dắt đà tăng trưởng IIP trong tháng 10 này, ghi nhận mức tăng 10,8% n/n trong tháng 10. IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,1% n/n; và IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 6,9% n/n. Ở chiều ngược lại, IIP ngành khai khoáng tiếp tục giảm trở lại với mức giảm 0,2% n/n. Tính chung 10 tháng đầu năm 2019, IIP tăng 9,5% n/n – mức tăng thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm 2018, vẫn được dẫn dắt bởi tăng trưởng IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 10,8% n/n (đóng góp 8,3 điểm phần trăm cho tăng trưởng chung); IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,9% n/n (đóng góp 0,9 điểm phần trăm cho tăng trưởng chung); IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,2% n/n (đóng góp 0,1 điểm phần trăm cho tăng trưởng chung); và IIP các ngành khai khoáng tăng 1,2% n/n (đóng góp 0,2 điểm phần trăm cho tăng trưởng chung). Tăng trưởng IIP trong 10T2019 nhờ đóng góp chủ yếu từ nhóm ngành sản xuất than cốc và dầu mỏ tinh chế (+31,8%) nhờ hoạt động sản xuất từ nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, ngành sản xuất kim loại (+34,3%) cũng nhờ hoạt động sản xuất tăng mạnh từ nhà máy gang thép Formosa, ngành khai thác quặng kim loại (+20,7%), ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+14,3%) và ngành khai thác than cứng và than non (+12,2%).



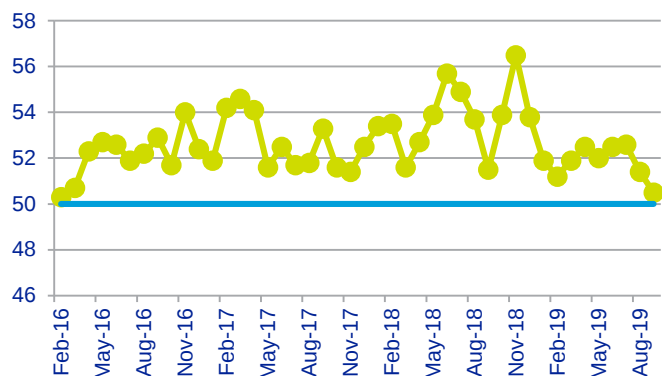
Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của Việt Nam xuống vùng “thu hẹp” kể từ tháng 11/2015

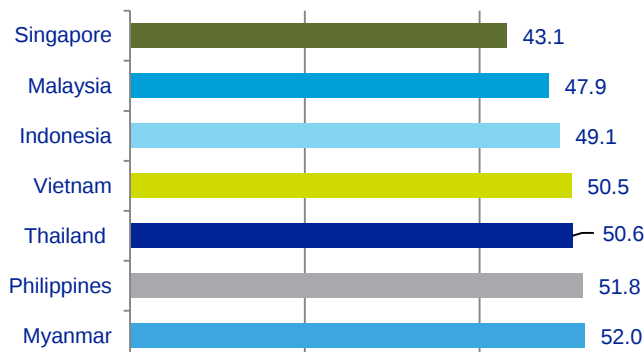
Theo Nikkei Markit, chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của Việt Nam tiếp tục giảm xuống còn 50 trong tháng 10 (mức thấp nhất kể từ tháng 11 năm 2015 và kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 46 tháng) từ mức 50,5 điểm trong tháng 9 (giảm 3 tháng liên tiếp). Tình trạng giảm tốc được củng cố thêm trong tháng 10 khi lượng đơn đặt hàng mới suy giảm và nhu cầu toàn cầu tiếp tục giảm. Theo báo cáo từ Nikkei Markit, các nhà sản xuất Các nhà sản xuất phản ứng với số lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm thông qua việc chấm dứt thời kỳ thúc đẩy tăng trưởng sản lượng và thể hiện sự ngần ngại trong việc thuê mướn thêm nhân công và mua hàng hóa đầu vào. Thêm vào đó, những lo ngại khi chỉ số PMI đạt 50 thiên về sự suy giảm tăng trưởng hơn là khu vực công nghiệp đã rơi vào vùng thu hẹp/suy thoái.

Lần đầu tiên kể từ tháng 11 năm 2015, chỉ số PMI của Việt Nam rơi xuống vùng thu hẹp (<50) và kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 46 tháng của khu vực công nghiệp cùng với Singapore (41,4), Indonesia (47,7), Malaysia (49,3) và Thái Lan (50). Bên cạnh đó, những quốc gia trong ASEAN vẫn tiếp tục nằm trong vùng tăng trưởng gồm có Myanmar (53) và Philippines (52,1).

PMI Vietnam



PMI ASEAN OCTOBER 2019



Nguồn: HIS Markit

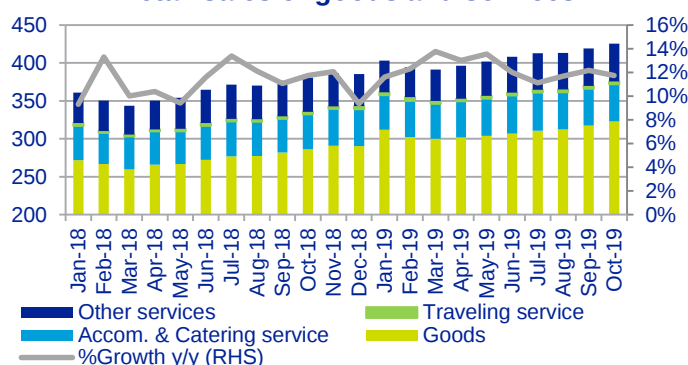
NHẬN ĐỊNH: chúng tôi vẫn kỳ vọng sản xuất công nghiệp sẽ tăng tốc trong quý cuối năm để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dịp Giáng Sinh, Năm mới và Tết Nguyên Đán. Tuy nhiên, chúng tôi cũng ghi nhận tăng trưởng số lượng các đơn đặt hàng mới và kỳ vọng lực cầu tiếp tục suy giảm (như đã nêu trong báo cáo PMI Việt Nam tháng 10 năm 2019) là những tín hiệu cho thấy điều kiện sản xuất sẽ khó khăn hơn trong những tháng cuối cùng của năm 2019.

Tiêu dùng trong nước

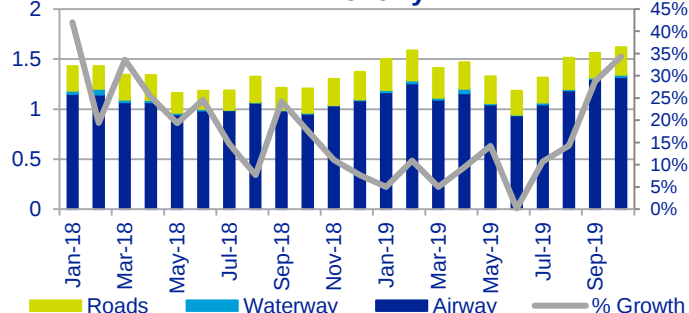
Tiêu dùng trong nước vẫn mạnh

Tổng mức bán lẻ trong tháng 10 năm 2019 đạt 425,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% t/t và tăng 11,7% n/n. Tính chung, tổng mức bán lẻ trong 9 tháng đầu năm 2019 đạt 4.065 nghìn tỷ đồng, tăng 12,27% n/n. Doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 76% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 13,32% n/n. Bên cạnh đó, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tiếp tục tăng 9,4% n/n và chiếm 12% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ. Ngoài ra, doanh thu du lịch lữ hành cũng tăng 12% n/n (nhưng vẫn thấp hơn tăng trưởng 15,6% n/n trong 10T2018) nguyên nhân chính là do sự sụt giảm lượng khách quốc tế đến Việt Nam, trong 10T2019 lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng 13% n/n (trong khi đó mức tăng 10T2018 đạt 22,4% n/n).

Bn VND Retail sales of goods and services



Thousand Visitors Number of foreigners arrival in Vietnam monthly



Nguồn: Tổng cục thống kê

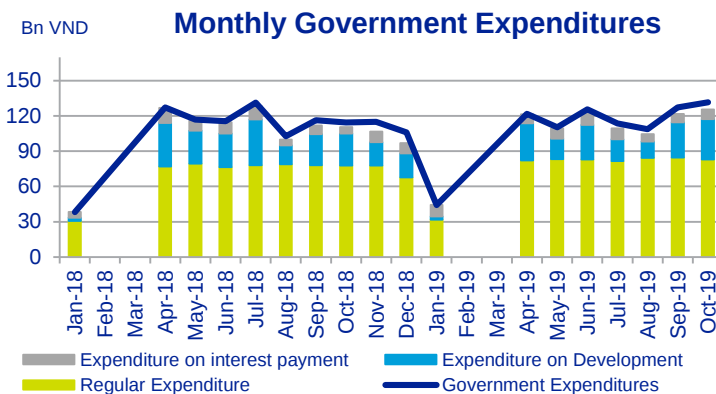
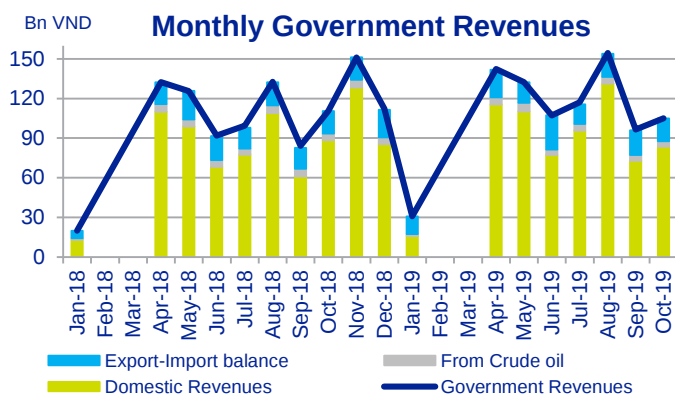
Ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước tiếp tục thặng dư

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2019 ước tính đạt 1.133,6 nghìn tỷ đồng, bằng 81% dự toán năm. Thu nội địa đóng góp 908,1 nghìn tỷ đồng và thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 159,8 nghìn tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 77,4% và 100,9% dự toán năm. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 121,5 nghìn tỷ đồng, bằng 68,4% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thu từ dầu thô) đạt 152,3 nghìn tỷ đồng (đạt 71,3% dự toán năm).

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2019 ước tính đạt 962,2 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 58,9% dự toán năm, chủ yếu là do việc chậm giải ngân vốn đầu tư và phát triển của Nhà nước. Chi đầu tư và phát triển chỉ đạt 208,6 nghìn tỷ đồng, bằng 48,6%. Bên cạnh đó, chi trả nợ lãi 86,9 nghìn tỷ đồng, bằng 69,6% dự toán năm.

Do đó, ngân sách nhà nước đạt thặng dư 39,8 nghìn tỷ đồng, cao hơn mức thâm hụt 42,2 nghìn tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái.



Nguồn: Tổng cục thống kê

*Ghi chú: Số liệu tháng 2 và tháng 3 bị thiếu do tổng cục thống kê không công bố.

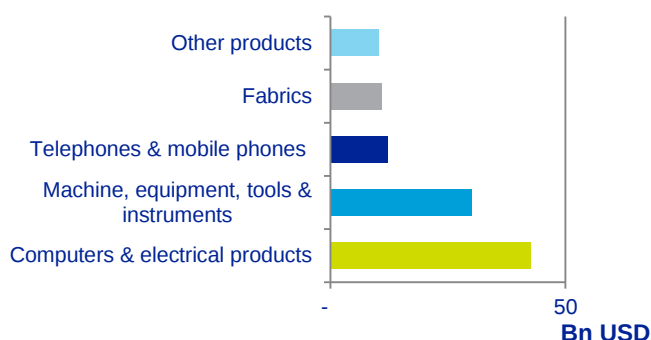
Hoạt động thương mại

Suy giảm kinh tế toàn cầu vẫn là rủi ro cho các hoạt động thương mại của Việt Nam

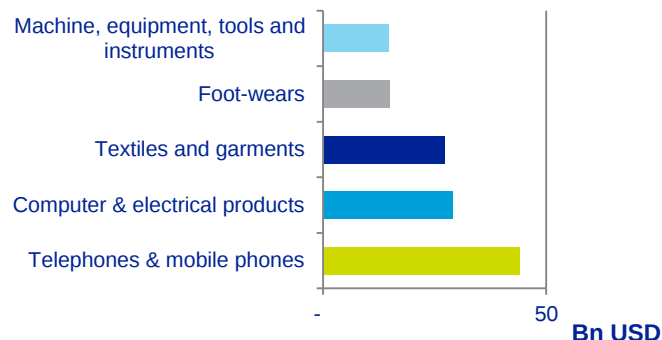
Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 10/2019 tăng nhẹ 3,7% ước tính đạt 24,2 tỷ USD, trong khi đó, nhập khẩu tháng 10/2019 tiếp tục giảm nhẹ 3,1% t/t đạt 21,7 tỷ USD, làm cho cán cân thương mại trong tháng 10 đạt thặng dư 1,8 tỷ USD. Tính chung 10 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 219 tỷ USD (+9,3% n/n và so với mức tăng +15,3% n/n trong 10T2018), trong khi kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 210,3 tỷ USD (+8,5% n/n và so với mức tăng +12,4% n/n trong 10T2018), kết quả là cán cân thương mại 10 tháng đầu năm 2019 đạt thặng dư 8,7 tỷ USD – cao hơn mức thặng dư 6,4 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái.

Nhóm hàng xuất khẩu chủ lực trong 10T2019 gồm điện thoại các loại và linh kiện giảm (44 tỷ USD, +6,3% n/n); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (29 USD, +19,2% n/n); dệt may (27,3 tỷ USD, +8,4% n/n), giày dép các loại (14,8 tỷ USD, +13,1% n/n) và máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (14,8 tỷ USD, +8% n/n). Trong khi đó, nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu trong 10T2019 gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (42,7 tỷ USD, +23% n/n); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (30 tỷ USD, +8,7% n/n); và điện thoại các loại và linh kiện (12,1 tỷ USD, -4,2% n/n).

Main Import Products in 10M2019

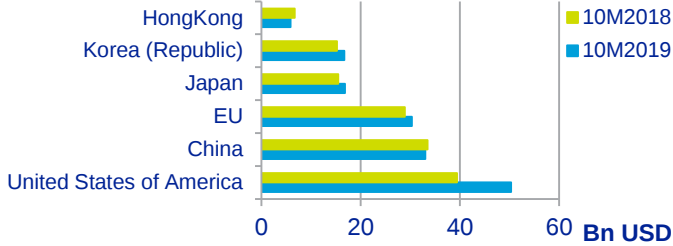


Main Export Products in 10M2019

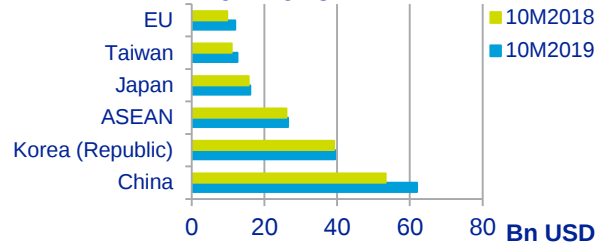


Trong 10 tháng đầu năm 2019, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 50,3 tỷ USD (+27,6% n/n so với 14,1% n/n trong 10T2018). Mặc dù xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh, xuất khẩu sang các đối tác khác ghi nhận mức tăng trưởng thấp hoặc suy giảm với xuất khẩu sang đối tác lớn thứ hai là Trung Quốc chỉ đạt 32,9 tỷ USD (-1,4% n/n so với +26,5% n/n trong 10T2018) và đối tác lớn thứ ba là EU đạt 30,3 tỷ USD (+5,1% n/n so với +10,7% n/n trong 10T2018). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh và Trung Quốc trở thành đối tác nhập khẩu nhập khẩu lớn nhất Việt Nam trong 10T2019 với nhập khẩu đạt 62 tỷ USD (+16,2% n/n so với +14% n/n trong 10T2018), tiếp theo là Hàn Quốc (39,4 tỷ USD, +0,54% n/n so với +2,4% n/n trong 10T2018) và ASEAN (26,5 tỷ USD, +1,67% n/n so với +14,7% n/n trong 10T2018).

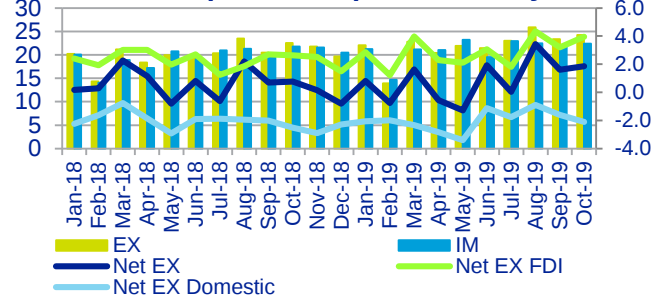
Export by Countries 10M2018 vs 10M2019



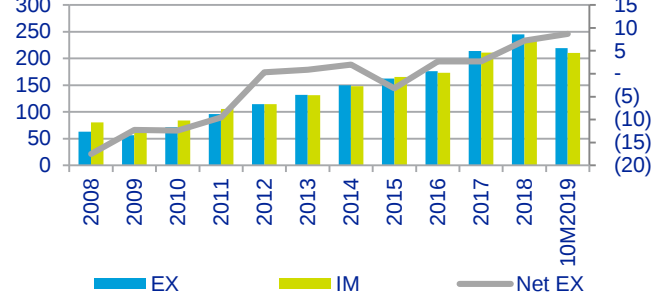
Import by Countries 10M2018 vs 10M2019



Exports & Imports Monthly



Exports & Imports Yearly



Nguồn: Hải quan Việt Nam

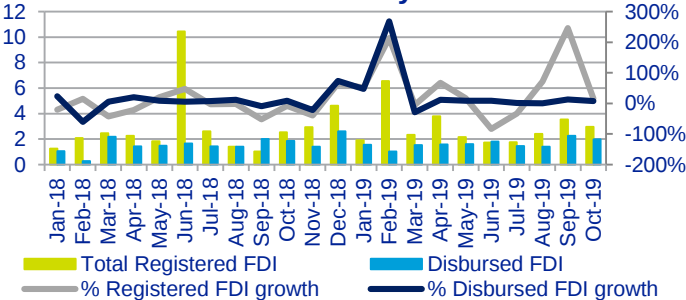
NHẬN ĐỊNH: Chúng tôi dự đoán tăng trưởng xuất khẩu sẽ như số liệu trong báo cáo PMI Việt Nam tháng 10 năm 2019 cho thấy dấu hiệu suy giảm tăng trưởng xuất khẩu trong những tháng tới. Tuy nhiên, chúng tôi dự đoán rằng cán cân thương mại vẫn sẽ tiếp tục thặng dư trong 2 tháng cuối năm 2019.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

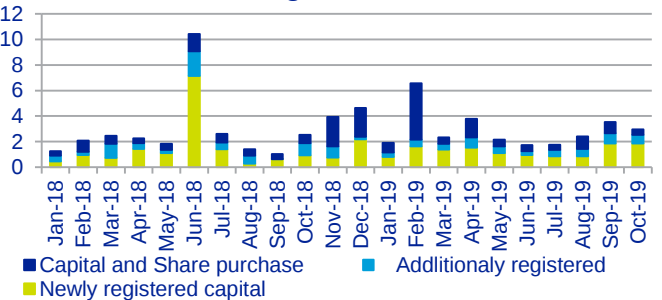
Dòng vốn FDI duy trì ổn định trong tháng 10

Vốn FDI giải ngân đạt 16,21 tỷ USD trong 10T2019, tăng 7,4% n/n, trong khi vốn FDI đăng ký trong 10T2019 tăng nhẹ 4,3% n/n trở lại, đạt 29,1 tỷ USD. Top 3 đối tác FDI hàng đầu của Việt Nam trong 10T2019 lần lượt là Hồng Kông (6,45 tỷ USD, +293% n/n, đã bao gồm 3,85 tỷ USD mua cổ phần tại Công ty TNHH Vietnam Beverage trụ sở tại Hà Nội), Hàn Quốc (5,5 tỷ USD, -15,7% n/n) và Singapore (4,2 tỷ USD, +7,2% n/n) –Singapore đã lấy lại vị trí thứ 3 từ Trung Quốc (3 tỷ USD) sau khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc thúc đẩy đầu tư và xuất khẩu từ Trung Quốc sang Việt Nam (tốc độ tăng trưởng của dòng vốn FDI vào Việt Nam từ Trung Quốc tăng mạnh 97% n/n trong 10T2019). Lĩnh vực sản xuất vẫn là lĩnh vực thu hút FDI nhất với 2 dự án lớn từ ACTR (dự án chế tạo lớp xe Radian toàn thép, 280 triệu USD) & Goertek (dự án Nhà máy chế tạo thiết bị điện tử, phương tiện thiết bị mạng và các sản phẩm âm thanh đa phương tiện, 260 triệu USD) và 1 dự án điều chỉnh vốn đầu tư từ LG Display từ Hải Phòng (400 triệu USD), chiếm hơn 20 tỷ USD tổng vốn FDI đăng ký trong 10T2019 (chiếm 68% tổng vốn FDI đăng ký). Lĩnh vực bất động sản đứng thứ hai, với số vốn đăng ký là 2,9 tỷ USD, chiếm 10,2% tổng vốn với dự án lớn mới được cấp phép ngày 4/11 từ Tập đoàn Charmvit (Hàn Quốc) để xây dựng Tổ hợp vui chơi giải trí đa năng – trường đua ngựa với tổng số vốn đăng ký đạt 420 triệu USD. Và lĩnh vực bán buôn & bán lẻ chiếm 2 tỷ USD (7% tổng vốn FDI đăng ký).

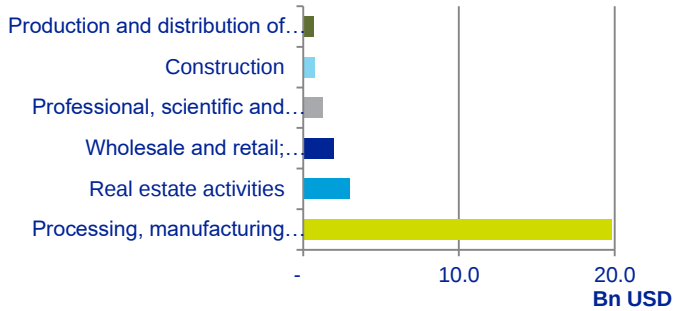
FDI Monthly



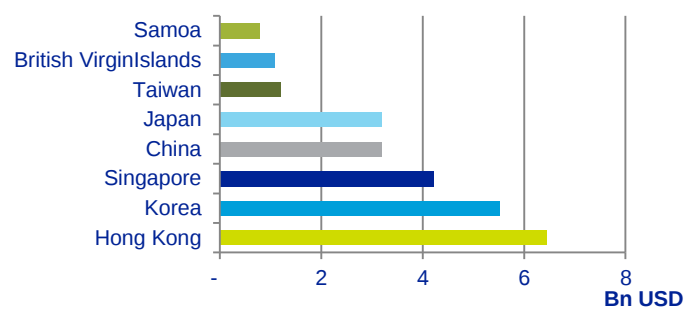
Registered FDI



Registered FDI by Sectors 10M2019



Registered FDI by Country 10M2019



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

NHẬN ĐỊNH: Chúng tôi hy vọng vốn FDI giải ngân vào Việt Nam sẽ ổn định trong những tháng tới với lượng vốn FDI đăng ký tăng trở lại cộng với việc tích lũy được một lượng lớn vốn FDI đăng ký trong thời gian gần đây. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc kéo dài sẽ đẩy nhanh sự chuyển dịch sản xuất và đầu tư từ Trung Quốc sang các nước lân cận, với vị trí địa lý tương đồng nhưng với tình hình vĩ mô ổn định và giá nhân công cạnh tranh hơn trong khu vực, bao gồm Việt Nam.

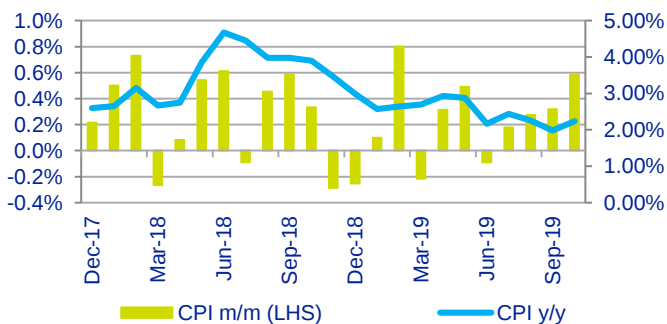
Chỉ số giá tiêu dùng

Lạm phát được duy trì ở mức thấp

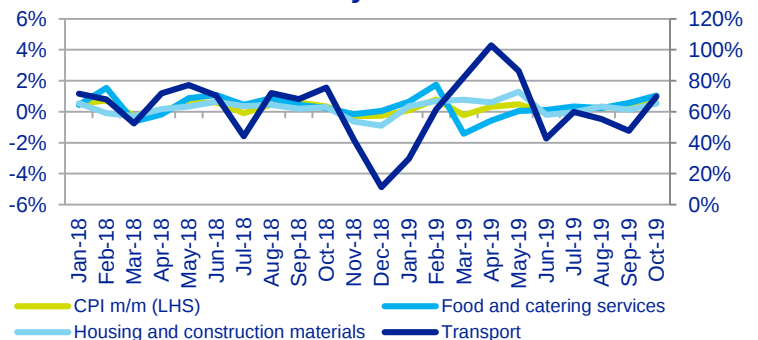
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 tăng 0,58 % t/t và tăng 2,23% n/n, tăng từ mức tăng 0,32% t/t nhưng lại giảm từ mức tăng 1,98% n/n trong tháng 9. CPI tháng 10 tăng so với tháng trước do: (1) nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng mạnh nhất với mức tăng 1,04% t/t chủ yếu do giá thịt heo tăng 7,85% t/t vì nguồn cung thiếu hụt do dịch tả lợn châu Phi và giá gạo bán lẻ tăng 0,3% do ảnh hưởng của thiên tai làm giảm nguồn cung; (2) nhóm giao thông vận tải cũng tăng 0,99% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu bán lẻ trong nước điều chỉnh tăng vào ngày 16/10; và (3) nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng cũng tăng 0,52% so với tháng trước do giá gas bán lẻ điều chỉnh tăng 7,62%. Tính đến cuối tháng 10, mức tăng của CPI trong 10 tháng đầu năm tăng 2,48 so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 2,79% so với đầu năm, mức tăng so với đầu năm thấp hơn so với mục tiêu 4% của Chính phủ. Ngoài ra, CPI cơ bản trong tháng 10 tăng 1,99% so với cùng kỳ và lạm phát cơ bản trung bình 10 tháng đầu năm ở tăng 1,92% n/n.

NHẬN ĐỊNH: Chúng tôi dự đoán CPI có thể ổn định trong tháng 10 nhờ nhóm dịch vụ giáo dục sẽ ngừng tăng trong tháng 10 vì học phí cho năm học mới 2019-2020 theo lịch trình của Nghị định số 86/2015 / ND-CP ngày 2/10/2015 đã tăng ở hầu hết các tỉnh. Nhưng chúng tôi vẫn coi 2 yếu tố sau sẽ gây áp lực tăng CPI trong những tháng tới (1) giá thịt heo bán lẻ tiếp tục tăng do dịch tả lợn châu Phi tiếp tục làm nguồn cung thịt heo suy giảm và không đáp ứng nhu cầu thịt heo ngày càng gia tăng; và (2) áp lực tăng lạm phát đến từ gia tăng nhu cầu tiêu dùng của người dân vào những dịp lễ Giáng Sinh, Năm mới và Tết Nguyên Đán sắp tới. Tuy nhiên, theo như tính toán của chúng tôi ở thời điểm tháng 10 này, chúng tôi vẫn tin rằng CPI cuối năm nay sẽ được duy trì ổn định và thấp hơn mức mục tiêu 4% của nhà nước.

CPI



CPI by Sectors



Nguồn: Tổng cục thống kê

Dữ liệu kinh tế - Việt Nam

Dữ liệu hàng tháng	T02/19	T03/19	T04/19	T05/19	T06/19	T07/19	T08/19	T09/19	T10/19
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	10,1%	9,2%	9,3%	10,2%	9,6%	9,7%	10,5%	10,2%	9,2%
<i>Khai khoáng</i>	-5,0%	3,4%	2,4%	2,3%	4,0%	4,4%	14,4%	-6,6%	-0,2%
<i>Chế biến, chế tạo</i>	12,8%	10,2%	10,0%	11,6%	10,6%	10,4%	10,3%	12,3%	10,8%
<i>Sản xuất và phân phối điện</i>	10,9%	9,6%	12,4%	10,3%	8,6%	10,5%	10,3%	10,6%	8,1%
<i>Cung cấp nước, xử lý rác thải</i>	7,2%	8,0%	7,9%	7,4%	6,0%	7,4%	7,6%	8,9%	6,9%
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)	51,2	51,9	52,5	52,0	52,5	52,6	51,4	50,5	50,0
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	11,52%	13,76%	13,01%	13,54%	12,02%	11,75%	11,99%	12,44%	11,74%
CPI (t/t)	0,80%	-0,21%	0,31%	0,49%	-0,09%	0,2%	0,3%	0,32%	0,58%
CPI (n/n)	2,64%	2,70%	2,93%	2,88%	2,16%	2,4%	2,3%	1,98%	2,23%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	35.981	58.761	79.201	101.106	122.533	145.513	171.397	194.754	218.987
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	35.934	57.087	78.082	101.275	120.770	143.706	166.156	187.905	210.278
Cán cân thương mại (triệu USD)	48	1.674	1.119	(170)	1.763	1.806	5.241	6.849	8.709
FDI giải ngân (triệu USD)	1.030	1.540	1.580	1.600	1.800	1.450	1.410	2.260	1.990
FDI đăng ký (triệu USD)	6.563	2.335	3.786	2.146	1.731	1.750	2.409	3.537	2.950

Dữ liệu hàng quý	Q4 2017	Q1 2018	Q2 2018	Q3 2018	Q4 2018	Q1 2019	Q2 2019	Q3 2019
GDP (n/n)	6.81%	7.38%	7.08%	6.98%	7.08%	6.79%	6.76%	6.98%
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	2.90%	4.05%	3.93%	3.65%	3.76%	2.87%	2.39%	2.02%
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	8.00%	9.70%	9.07%	8.89%	8.85%	8.85%	8.94%	9.36%
<i>Dịch vụ</i>	7.44%	6.70%	6.90%	6.89%	7.03%	6.44%	6.68%	6.85%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	14.4%	12.7%	8.2%	10.7%	9.4%	9.2%	9.7%	10.2%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	13.01%	10.85%	10.48%	12.18%	11.93%	11.90%	11.10%	12.20%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	213.770	54.310	113.929	178.910	244.723	58.761	122.533	194.754
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	211.096	53.005	111.217	173.520	237.512	57.087	120.770	187.905
Cán cân thương mại (triệu USD)	2.7	1.3	2.7	5.4	7.2	1.7	1,7	6,8
FDI giải ngân (triệu USD)	5,000	3,880	4,490	4,880	5,850	4,120	4,980	2.260
FDI đăng ký (triệu USD)	10,400	5,802	14,532	5,037	10,096	10,805	7,663	3.537

Dữ liệu hàng năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
GDP (n/n)	6,24%	5,25%	5,42%	5,98%	6,68%	6,21%	6,81%	7,08%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	6,8%	4,8%	5,9%	7,6%	9,8%	7,5%	11,3%	10,2%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	24%	14%	10%	12%	11%	11%	10%	11,7%
CPI (n/n)	18,6%	9,2%	6,6%	4,1%	0,6%	2,7%	3,5%	3,5%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	96.257	114.631	132.175	150.042	162.439	175.942	213.770	244.723
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	105.774	114.347	131.312	148.058	165.609	173.262	211.096	237.512
Cán cân thương mại (triệu USD)	(9.517)	284	862	1.984	(3.170)	2.680	2.674	7.211
FDI giải ngân (triệu USD)	11.00	10.46	11.50	12.35	14.50	15.80	17.50	19.10
FDI đăng ký (triệu USD)	15.60	16.34	22.30	21.92	22.76	24.37	35.88	35.47

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

41, Mạc Đĩnh Chi Q.1, TPHCM
Tel: (+84 28) 3823 4159
Fax: (+84 28) 3823 5060

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9395
Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Trưởng bộ phận – Phân tích cơ bản

Nguyễn Bình Thanh Giao
(+84 28) 3823 4159 (ext: 250)
giaonbt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi
(+84 28) 3823 4159 (ext: 327)
chiltk@acbs.com.vn

CVPT – Ngân hàng, tài chính

Trần Thị Hải Yến
(+84 28) 3823 4159 (ext: 326)
yentran@acbs.com.vn

CVPT – Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc
(+84 28) 3823 4159 (ext: 303)
trucptt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông

Trần Nhật Trung
(+84 28) 3823 4159 (ext: 351)
trungtn@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
hungpv@acbs.com.vn

NVPT – Công nghiệp

Trần Trí An Phúc
(+8428) 3823 4159 (ext: 325)
phuctta@acbs.com.vn

NVPT – Phái sinh, Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh
(+84 28) 3823 4159 (ext: 352)
minhtvh@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Lương Duy Phước
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
phuocld@acbs.com.vn

NVPT – Công nghiệp

Huỳnh Anh Huy
(+84 28) 3823 4159 (ext: 218)
huyha@acbs.com.vn

KHOẢNG KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Giám đốc Khách hàng Định chế

Tyler Cheung
(+84 28) 54 043 070
tyler@acbs.com.vn

Giám đốc Khách hàng Định chế

Patrick Mitchell
(+84 28) 54 046 632
patrick@acbs.com.vn

NV Quan hệ doanh nghiệp

Lê Thị Mai Như
(+84 28) 3823 4159 (ext: 307)
nhultm@acbs.com.vn

NV Chăm sóc khách hàng

Lê Nguyễn Tiến Thành
(+84 28) 3823 4798
thanhln@acbs.com.vn

NV Chăm sóc khách hàng

Nguyễn Ngọc Tuyền
(+84 28) 3823 4955
tuyenenn@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận - GDKHĐC

Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 54046630 (ext:308)
huongctk@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Lý Ngọc Dung
(+84 28) 54046630
dungln.hso@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Nguyễn Thị Thanh Nhà
(+84 28) 38234159 (ext: 311)
nhannntt.sqn@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Trần Thị Thanh
(+84 28) 54046626
thanhtt@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Nguyên Tắc Khuyến Nghị

MUA: nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

GIỮ: nếu giá mục tiêu trong khoảng -15% và 15% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

BÁN: nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -15%.

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày bày.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2019). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.